

Bản án số: 99/2025/DS-PT

Ngày: 13/5/2025

*V/v “Yêu cầu thực hiện
nghĩa vụ trả tiền”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Anh

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thanh Mai

Bà Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Huy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Anh Pha - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2025/TLPT-DS ngày 05/02/2025, về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 128/2025/QĐPT-DS ngày 04/4/2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 203/2025/QĐ-PT ngày 17/4/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Minh Đ, sinh năm: 1987 và bà Doãn Thị V, sinh năm: 1986; Cùng địa chỉ: Số ... đường ĐMK, phường H, quận L, thành phố Đ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị Ngọc H, sinh năm: 2001; Địa chỉ: Tổ ..., phường HK, quận L, thành phố Đ; Địa chỉ liên hệ: ... đường TPT, phường K, quận C, thành phố Đ. (Theo Giấy ủy quyền ngày 17/11/2023). Có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thu H, sinh năm: 1993 – Văn phòng Luật sư P thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Địa chỉ: Số ... đường TPT, phường K, quận C, thành phố Đ. Có mặt

* *Bị đơn:* Ông Lê Vũ Minh T, sinh năm: 1982 và bà Trần Thị Thu H, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số... đường B, phường Th, quận H, thành phố Đ. Ông T có mặt, bà H vắng mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Bà Trần Thị Thanh L, sinh năm: 1993 và ông Trần Th, sinh năm: 1964 - Văn phòng Luật sư L thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. Địa chỉ: ... đường NB, phường ..., quận T, thành phố H. Bà L, ông Th đều có mặt

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Hoàng Minh Đ. (bà Lê Thị Ngọc H đại diện theo ủy quyền có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

* *Nguyên đơn ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V trình bày:*

Năm 2018, vợ chồng ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H có nói chuyện với Ông Hoàng Minh Đ và Bà Doãn Thị V về việc ông T, bà H được quyền ưu tiên mua 60.000 cổ phần, tương ứng với 3% vốn điều lệ của Công ty cổ phần ĐX ĐN (nay đổi tên là Công ty cổ phần Đô Thị TM VN). Trên cơ sở trao đổi trò chuyện thì vợ chồng ông T, bà H nói với ông Đ, bà V tài chính chỉ đủ mua 40.000 cổ phần và muốn ông Đ, bà V góp tiền mua 20.000 cổ phần tương ứng với 1% vốn điều lệ của Công ty.

Do vậy, ngày 29/11/2018, bà Doãn Thị V đã chuyển khoản thành công số tiền 200.000.000 (*Hai trăm triệu đồng*) cho vợ chồng ông T, bà H thông qua số tài khoản của bà H.

Ngày 02/12/2018, hai bên ký kết với nhau Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP-DXDN để ghi nhận các nội dung thỏa thuận và công việc thực hiện. Tuy nhiên đến tháng 07/2020, cổ phiếu Công ty đã đủ điều kiện để được tự do chuyển nhượng theo quy định của Điều lệ Công ty nhưng vợ chồng ông T, bà H đã không tiến hành các thủ tục trình báo đến Công ty để ghi nhận, xác lập tư cách cổ đông tại Công ty theo như cam kết đã thỏa thuận trong Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP-DXDN ngày 02/12/2018.

Trong khi Hợp đồng vẫn đang còn hiệu lực ngày 26/08/2021, ông T đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần tương ứng với 3% vốn điều lệ Công ty cho ông Trần Ngọc Th – Cổ đông tại Công ty với tổng giá trị là 2.642.640.000 đồng (*Hai tỷ, sáu trăm bốn mươi hai triệu, sáu trăm bốn mươi ngàn đồng*).

Sau đó, ông T đã liên hệ với ông Đ, bà V để thanh toán 640.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*), là giá trị mà ông T xác định trả cho ông Đ, bà V đối với phần cổ phần mà ông Đ, bà V mua chung với ông T. Tuy nhiên, ông Đ và bà V không đồng ý với yêu cầu nêu trên và yêu cầu ông T, bà H thanh toán đủ số tiền 880.000.000 đồng (*Tám trăm tám mươi triệu đồng*). Ngày 25/09/2021, bà H thông qua tài khoản ngân hàng, chuyển lại cho ông Đ, bà V số tiền là 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*).

Sau nhiều lần hai bên liên hệ với nhau, ông T, bà H chỉ đưa ra số tiền là 640.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*) - số tiền hoàn trả lại cho ông Đ, bà V từ giao dịch ông T, bà H và ông Th. Ông Đ, bà V đã không đồng ý với yêu cầu nêu trên. Gần đây sau khi được Luật sư tư vấn, ông Đ, bà V đã chủ động liên hệ để hòa giải giữa các bên và chấp nhận số tiền 640.000.000 đồng (*Sáu trăm bốn mươi triệu đồng*). Nhưng ông T và bà H chỉ chấp nhận trả lại cho ông Đ, bà V 340.000.000 đồng (*Ba trăm bốn mươi triệu đồng*), sau khi trừ các chi phí thiệt hại, phí thuê Luật sư và các chi phí khác là 100.000.000 đồng.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm ông Hoàng Minh Đ, sinh năm: 1987 và bà Doãn Thị V yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H trả lại số tiền 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) Theo thỏa thuận tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP – DXDN ngày 02/12/2018.

Bác yêu cầu phản tố vợ chồng ông Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H về việc yêu cầu nguyên đơn thanh toán số tiền 50% số tiền lợi nhuận chung 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*).

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H trình bày:*

Ông Lê Vũ Minh T trình bày: Vào thời điểm cuối năm 2018, khi tôi (Lê Vũ Minh T) đang là Kế toán trưởng tại Công ty Cổ Phần DX ĐN, mã số thuế 0401844762 (nay là Công ty Cổ Phần Đô Thị TM VN, sau đây gọi tắt là Công ty), tôi được quyền ưu tiên mua 03% cổ phần của Công ty. Trong khi đó, vợ chồng ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V cũng là nhân viên làm việc tại Công ty nhưng không được quyền ưu mua cổ phần của Công ty (Công ty không cho vợ chồng ông Đông – bà Vân mua, mà chỉ cho tôi mua).

Sau đó, với lý do muốn kiếm tiền lời nuôi con, vợ chồng ông Đ – bà V đã năn nỉ tôi cho góp 01% cổ phần trong số 03% cổ phần tôi được quyền ưu tiên mua từ Công ty, và ông Đ – bà V để tôi đứng tên hộ 01% cổ phần đó (trị giá 01% cổ phần là 200.000.0000 đồng). Thấy gia đình vợ chồng ông Đông - bà Vân là chỗ đồng nghiệp, lại cùng quê với vợ chồng tôi, nhằm tạo điều kiện cho ông Đ – bà V kiếm tiền lời nuôi con, tôi mới đứng tên hộ 01% cổ phần này. Tôi cũng mặc nhiên nghĩ rằng đứng tên hộ thì được trả tiền công.

Vì tôi đứng tên hộ 01% cổ phần trên cho vợ chồng ông Đ – bà V nên danh sách cổ đông của Công ty không có tên của vợ chồng ông Đ – bà V. Về mặt pháp lý, tôi mới là cổ đông của Công ty, ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V không có tư cách cổ đông gì trong Công ty.

Đến thời điểm tôi rời khỏi Công ty thì tôi đã báo với ông Đ – bà V yêu cầu ông Đ – bà V chuyển 01% cổ phần mà tôi đứng tên hộ sang cho người khác hoặc là để tôi đứng tên bán lấy tiền. Sau đó, vợ chồng ông Đ – bà V để tôi đứng tên bán 01% số cổ phần mà tôi đã đứng tên hộ.

Sau khi tôi đứng ra giao dịch bán xong cổ phần thì vợ tôi (bà Nguyễn Thị Thu H) đã chuyển khoản vào tài khoản của bà Doãn Thị V trả lại 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc mua cổ phần lúc ban đầu. Số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) tiền lợi nhuận chung phát sinh từ việc tôi đứng tên mua bán 01% cổ phần của Công ty thì tôi có nhã ý tặng cho vợ chồng ông Đ – bà V, không tính tiền công mà tôi đứng tên hộ (thương thảo, đàm phán mua - bán cổ phần, làm tăng giá trị cổ phần). Tuy nhiên, trong quá trình đang xem xét việc đòi tiền công đứng tên hộ hay là tặng cho vợ chồng ông Đ – bà V thì vợ chồng ông Đ – bà V khởi kiện vợ chồng chúng tôi ra Tòa cho nên vợ chồng chúng tôi không tặng cho vợ chồng ông Đ – bà V tiền công đứng tên hộ nữa.

Từ những nội dung đã trình bày ở trên, nay vợ chồng chúng tôi có yêu cầu phản tố như sau:

- Yêu cầu vợ chồng ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V thanh toán cho vợ chồng chúng tôi 50% số tiền lợi nhuận chung 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng) phát sinh từ việc mua bán cổ phần do ông Lê Vũ Minh T là người đứng tên hộ cổ phần cho vợ chồng ông Đ, bà V, tương đương số tiền 220.000.000 đồng (*Hai trăm hai mươi triệu đồng*)

** Với nội dung nêu trên tại Bản án dân sự số 162/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xử và quyết định:*

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 165; 166; 275; 513; 519 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*” của ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V đối với ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H đối với ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V

Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu là 21.600.000 đồng

Ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V đã nộp tạm ứng án phí dân sự 10.800.000 đồng tại biên lai thu số 0007721 ngày 03/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. Ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V tiếp tục nộp số tiền án phí là 10.800.000 đồng.

Bị đơn Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu là: 11.000.000đ

Ông Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H đã nộp tạm ứng án phí dân sự 6.250.000 đồng tại biên lai thu số 0000158 ngày 8/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V tiếp tục nộp số tiền án phí là 4.750.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/12/2024 ông Hoàng Minh Đ kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp thuận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V buộc ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H thanh toán cho nguyên đơn theo các thỏa thuận giữa hai bên số tiền là 440.000.000 đồng, đồng thời bác yêu cầu phản tố của bị đơn.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát thành phố Đà Nẵng phát biểu về quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là đảm bảo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về quan điểm giải quyết: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự,

Chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hoàng Minh Đ. Sửa một phần Bản án dân sự số 162/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Buộc ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H phải trả cho ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V số tiền 440.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn là bà Trần Thị Thu H vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của Hoàng Minh Đ về việc buộc ông Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H phải thanh toán cho ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V số tiền 440.000.000 đồng, thì thấy:

Giữa ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V và ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H có ký Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP-DXDN ngày 02/12/2018, theo thỏa thuận ông Đ, bà V đã chuyển cho ông T, bà H số tiền 200.000.000 đồng để sở hữu số lượng cổ phần 20.000 cổ phần tương đương 1% cổ phần của Công ty Cổ phần ĐX.

Ngày 15/3/2019, ông Lê Vũ Minh T và ông Trần Ngọc Th kí kết Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2019/HĐCNCP-DXDN. Theo đó ông Trần Ngọc Th đã chuyển nhượng cho ông T 3% cổ phần Công ty ĐX.

Ngày 26/8/2021 ông Lê Vũ Minh T ký hợp đồng với ông Trần Ngọc Th về việc chuyển nhượng 3% cổ phần của ông T cho ông Th tương đương số tiền 2.642.640.000 đồng.

Ngày 25/9/2021, bà H chuyển trả cho vợ chồng bà V, ông Đ số tiền gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*). Do không thống nhất số tiền lợi nhuận chia từ việc mua 1% cổ phần nên vợ chồng bà V, ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H trả lại cho vợ chồng bà V, ông Đ số tiền 440.000.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu đồng*) căn cứ vào thỏa thuận tại Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP – DXDN ngày 02/12/2018.

Tại Bản án sơ thẩm số 162/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu cho rằng: Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP-DXDN được kí kết ngày 02/12/2018 giữa hai bên, HĐXX xét thấy: Tại biên bản lấy lời khai ngày 08/8/2023 tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu, ông Đ xác định khởi kiện tại Tòa án nhân dân quận Hải Châu là để yêu cầu vợ chồng ông T, bà H thực hiện nghĩa vụ trả tiền, không yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP-DXDN được kí kết ngày 02/12/2018. Đây là văn bản thỏa thuận giữa hai bên, tại thời điểm này vợ chồng ông T, bà H chưa được mua 3% cổ phần của Công ty ĐX. Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần Công ty Cổ phần ĐX ĐN chứng nhận cho ông Lê Vũ Minh T với tỉ lệ 3% được cấp vào ngày 31/8/2019. Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP-DXDN được kí kết ngày 02/12/2018 giữa vợ chồng ông T, bà H với ông Đ, bà V khi ông T chưa có số cổ phần trên và chưa có quyền chuyển nhượng cổ phần đối với số cổ phần 3% được mua từ Công ty ĐX. Do đó hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2018/HĐCNCP-DXDN được kí kết ngày 02/12/2018 không phát sinh hiệu lực pháp luật, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V.

Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy: Bản chất giao dịch hợp đồng số 01/2018/HĐCNCP-DXDN được kí kết ngày 02/12/2018 giữa vợ chồng ông T, bà H với ông Đ, bà V là góp vốn mua cổ phần, điều này đã được thể hiện ở nội dung trình

bày của ông T tại Biên bản làm việc ngày 28/9/2021 “...Lý do ký kết hợp đồng này là vì tại thời điểm 2018 tôi không đủ tiềm lực tài chính mua 3% cổ phần này, theo đó, tôi đã cam kết bán 1% cổ phần của Công ty cho vợ chồng ông Đ khi cổ phần đủ điều kiện chuyển nhượng. Tôi đã nhận được 200.000.000 đồng tiền mua cổ phần từ vợ chồng ông Đ thông qua tài khoản ngân hàng vào ngày 29/11/2018”; Nội dung tin nhắn của bà Trần Thị Thu H tại Vi bằng số 453/VB-TPLTT ngày 13/10/2023 cũng thể hiện có việc góp tiền giữa ông Đ, bà V với ông T, bà H. Ngoài ra ông T cũng đã thừa nhận tại Biên bản hòa giải ngày 24/6/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã nhận được số tiền thanh toán nhận chuyển nhượng cổ phần 3% tương đương 2.642.640.000 đồng mà ông đã chuyển nhượng cho ông Trần Ngọc Th. Tại phiên tòa ông T cũng thừa nhận sau khi chuyển nhượng 3% cổ phần cho ông Th, thì ông cũng có thỏa thuận chia tỷ lệ lợi nhuận từ chuyển nhượng cổ phần 1%, nhưng do ông Đ, bà V tố cáo ông lừa đảo và khởi kiện ra Tòa án nên ông không đồng ý thanh toán. Với những tình tiết nêu trên, đã có đủ cơ sở để xác định Hợp đồng số 01/2018/HĐCNCP-DXDN ngày 02/12/2018 giữa ông T, bà H với ông Đ, bà V về bản chất là việc góp vốn để mua cổ phần, nội dung hợp đồng hoàn toàn thỏa mãn với các điều kiện được quy định tại điều 117, 224, 385 và 401 Bộ luật dân sự, do đó cần chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh Đ.

[2] Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận Đơn kháng cáo của ông Hoàng Minh Đ. Sửa một phần Bản án dân sự số 162/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa: Buộc ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H phải trả cho ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V số tiền 440.000.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật.

Kể từ ngày ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm 21.600.000 đồng, do HĐXX chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Minh Đ nên ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H phải chịu.

Ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.800.000 đồng tại biên lai thu số 0007721 ngày 03/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

Các nội dung khác tại phần quyết định của Bản án số 162/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[3] Bị đơn Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu phản tố là: 11.000.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 6.250.000 đồng tại biên lai thu số 0000158 ngày 8/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. ông Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H tiếp tục nộp số tiền án phí là 4.750.000 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên ông Hoàng Minh Đ không phải chịu. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Hoàng Minh Đ tại Biên lai thu số 0005087 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 2 Điều 308, các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 177, 224, 385, 401 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận kháng cáo của ông Hoàng Minh Đ;

Sửa một phần Bản án dân sự số 162/2024/DS-ST ngày 29/11/2024 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V đối với ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán*”.

1. Buộc ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H phải thanh toán cho ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V số tiền 440.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Hoàng Minh Đ, bà Doãn Thị V có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì hàng tháng ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Vũ Minh T, bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 21.600.000 đồng (do Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Hoàng Minh Đ).

Hoàn trả cho ông Hoàng Minh Đ và bà Doãn thị V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.800.000 đồng tại biên lai thu số 0007721 ngày 03/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Ông Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu phản tố là: 11.000.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp 6.250.000 đồng tại biên lai thu số 0000158 ngày 8/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, TP Đà Nẵng. ông Lê Vũ Minh T và bà Trần Thị Thu H tiếp tục nộp số tiền án phí là 4.750.000 đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Hoàng Minh Đ không phải chịu. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm cho ông Hoàng Minh Đ tại Biên lai thu số 0005087 ngày 02/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Đà Nẵng;
- TAND quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Tổ nghiệp vụ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Anh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Các thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Thị Hảo Hảo

Trần Thị Thanh Mai

Nguyễn Ngọc Anh

